TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẠI TỪ** **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2023/HS-ST
Ngày: 16/01/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẠI TỪ, TỈNH THÁI NGUYÊN

***- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thúy Quỳnh

Các hội thẩm nhân dân: 1. Bà Hà Thị Lan

2. Bà Nguyễn Thị Xuyến

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thủy Ngân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Như Hảo - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 01 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm, thụ lý số 163/2022/TLST-HS ngày 27 tháng 12 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 166/2022/QĐXXST-HS ngày 30 tháng 12 năm 2022 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Đỗ Ngọc T**; Sinh năm 1991 tại tỉnh Thái Nguyên; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: xóm K, xã P, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Nghề nghiệp: Không nghề; Trình độ văn hoá: 07/12; Con ông: Đỗ Văn Th; Con bà: Đàm Thị X; Vợ con: chưa có.

Tiền án, tiền sự: không.

Nhân thân:

+ Tại Quyết áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở chữa bệnh số 3704 ngày 24/9/2013 của Ủy ban nhân dân huyện Đại Từ đối với Đỗ Ngọc T, thời hạn 12 tháng.

+ Tại bản án số 54/HSST ngày 17/8/2018 bị Tòa án nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên xử phạt 09 tháng tù về tội "*Trộm cắp tài sản*". T đã chấp hành xong hình phạt tù ngày 03/7/2019. Bản án đã được xóa án tích.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 28/10/2022, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên. (có mặt)

** Người bào chữa cho bị cáo*: Ông Khuông Thanh Đ1 - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Thái Nguyên. (Vắng mặt)

** Bị hại:*

1. Anh Lý Văn H, sinh năm 1976. (vắng mặt)

2. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1955. (có mặt)

Đều trú tại: xóm K, xã P, huyện Đ, Thái Nguyên.

** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh Phạm Văn D, sinh năm 1989 (vắng mặt)

Trú tại: xóm T, xã M, huyện Đ, Thái Nguyên.

2. Anh Đỗ Văn B, sinh năm 1988 (có mặt)

Trú tại: xóm K, xã P, huyện Đ, Thái Nguyên.

** Người làm chứng:*

Anh Vũ Văn Thường, sinh năm 1981. (Vắng mặt)

Trú tại: xóm Trung Tâm, xã Minh Tiến, huyện Đại Từ, Thái Nguyên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 14 giờ 00 phút ngày 24/10/2022, Đỗ Ngọc T đi bộ từ nhà anh Đỗ Văn B (sinh năm 1988, là anh trai T) để về nhà. Khi T đi qua nhà anh Lý Văn H (sinh năm 1976, trú tại xóm K, xã P, huyện Đ) thì thấy cửa nhà anh H không đóng cửa nên T rẽ vào nhà anh H chơi. Khi vào tới sân T gọi "anh H ơi" nhưng không thấy anh H trả lời nên T đi vào trong nhà anh H, thấy anh H đang nằm ngủ một mình trên chiếc giường ngủ kê tại phòng khách, bên cạnh gối đầu có để 02 chiếc điện thoại, trong đó có 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Note 20 ultra. Thấy anh H đang ngủ say, xung quanh không có người nên T đã nảy sinh ý định trộm cắp chiếc điện thoại của anh H để đem bán lấy tiền sử dụng. T đi đến vị trí chiếc điện thoại, dùng tay phải lấy chiếc điện thoại nhãn hiệu Samsung Note 20 ultra cho vào túi quần đang mặc rồi tiếp tục đi vào trong buồng ngủ nhà anh H thì nhìn thấy 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy J3 của bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1955 (là mẹ của anh H) đang cắm sạc điện để tại đầu giường ngủ cách cửa buồng khoảng 2m, T tiến đến vị trí chiếc điện thoại dùng tay trái cầm chiếc điện thoại lên còn tay phải rút dây sạc điện ra khỏi điện thoại. Sau đó T đi bộ về nhà cất giấu 02 chiếc điện thoại trộm cắp được ở giường ngủ tại nhà của T.

Khoảng 13 giờ 00 phút ngày 25/10/2022, T mượn xe máy của anh Đỗ Văn B rồi mang chiếc điện thoại Samsung Galaxy J3 đến xã Minh Tiến để tìm chỗ bán. Trên đường đi, T tháo sim của chiếc điện thoại vứt đi, sau đó đem điện thoại đến cửa hàng mua bán, sửa chữa điện thoại của anh Phạm Văn D, sinh năm 1989, trú tại xóm T1, xã M, huyện Đ và bán cho anh D được 200.000 đồng (Hai trăm

nghìn đồng). Số tiền này T mua đồ ăn và tiêu xài cá nhân hết. Khoảng 09 giờ 00 phút ngày 26/10/2022, T tiếp tục mượn xe máy của anh B đem chiếc điện thoại di động Samsung Note20 ultra đến xã M để tìm chỗ bán. Trên đường đi, T cũng tháo sim trong điện thoại vứt đi rồi đem chiếc điện thoại đến cửa hàng mua bán điện thoại của anh Vũ Văn Th, sinh năm 1981, trú tại xóm T1, xã M, huyện Đ hỏi bán điện thoại di động cho anh Th nhưng anh Th không đồng ý mua do điện thoại bị khóa mật khẩu. Không bán được điện thoại, T mang chiếc điện thoại di động về nhà cất giấu để đem đi tiêu thụ.

Về phía anh anh Lý Văn H và bà Nguyễn Thị L, sau khi phát hiện mất trộm tài sản, đã làm đơn trình báo sự việc đến Công an xã Phú Cường đề nghị giải quyết theo quy định.

Tiếp nhận tin báo, Công an xã Phú Cường, huyện Đại Từ đã tiến hành xác minh, rà soát các đối tượng, xác định Đỗ Ngọc T thực hiện hành vi trộm cắp tài sản trên. T đã tự giác giao nộp chiếc điện thoại Samsung Note 20 Ultra bên trong không có sim.

Xét thấy, vụ việc có dấu hiệu tội phạm, Công an xã Phú Cường đã chuyển toàn bộ hồ sơ, đối tượng, vật chứng đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đại Từ giải quyết theo thẩm quyền.

Cơ quan CSĐT - Công an huyện Đại Từ đã tiến hành xác định hiện trường, thu thập các tài liệu khác có liên quan, thu giữ tại cửa hàng điện thoại của anh Phạm Văn D chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy J3 bên trong không có sim là vật chứng của vụ án.

Tại Bản kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 74/KL-HDĐGTS ngày 28/10/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Đại Từ kết luận: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Note20 ultra màu vàng. Tình trạng đã cũ, đã qua sử dụng có giá tại thời điểm tháng 10/2022 là 10.500.000 đồng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy J3 màu vàng. Tình trạng đã, cũ đã qua sử dụng có giá tại thời điểm tháng 10/2022 là 600.000đồng; 02 chiếc ốp điện thoại bằng nhựa đã cũ, không tiến hành định giá vì chỉ có giá trị sử dụng không giao dịch trên thị trường. Tổng giá trị 02 chiếc điện thoại có giá trị là 11.100.000 đồng.

Quá trình điều tra, ngày 01/9/2022 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đại Từ đã trả lại 02 chiếc điện thoại di động cho anh H và bà L quản lý và sử dụng. Đối với chiếc xe mô tô BKS 20F5- 8706 quá trình điều tra xác định là tài sản của anh Đỗ Văn B (sinh năm 1988, là anh trai bị cáo T), Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đại Từ, không thu giữ.

Về trách nhiệm dân sự anh Lý Văn H, bà Nguyễn Thị L đã nhận lại tài sản của mình, không yêu cầu đề nghị gì đối với T. Người có quyền lợi, nghĩa vụ có liên quan đến vụ án là anh Phạm Văn D không đề nghị T phải trả số tiền 200.000 đồng.

Tại cơ quan điều tra Đỗ Ngọc T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nêu trên. Lời khai nhận tội của bị cáo phù H với các tài liệu chứng cứ

điều tra thu thập được có trong hồ sơ vụ án như: Biên bản sự việc; Biên bản khám nghiệm hiện trường; Kết luận định giá tài sản, lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, lời khai của bị hại, vật chứng thu giữ.

Tại bản cáo trạng số 04/CT-VKSĐT, ngày 27/12/2022 Viện kiểm sát nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên đã truy tố bị cáo Đỗ Ngọc T về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố.

Phần luận tội tại phiên tòa hôm nay, sau khi phân tích, đánh giá tính chất vụ án, mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo. Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Đỗ Ngọc T phạm tội "Trộm cắp tài sản". Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo từ 15 tháng đến 18 tháng tù. Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

Trách nhiệm dân sự: Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Dũng không có yêu cầu gì nên không xem xét.

Về án phí: Bị cáo thuộc hộ cận nghèo nên được miễn án phí theo quy định.

Bản luận cứ của người bào chữa cho bị cáo xác định việc truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đại Từ đối với bị cáo về tội "Trộm cắp tài sản", theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình, đã ăn năn hối cải, tài sản trộm cắp được đã trả lại cho các bị hại. Đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự và xử phạt bị cáo mức án 15 tháng tù.

Bị cáo nhất trí với bản bào chữa của người bào chữa, không tranh luận gì với bản luận tội của Viện kiểm sát, chỉ xin Hội đồng xét xử cho bị cáo mức án thấp nhất để bị cáo sớm trở về gia đình, xã hội trong lời nói sau cùng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Quá trình khởi tố vụ án, điều tra, truy tố và xét xử, điều tra viên, kiểm sát viên đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan, người tiến hành tố tụng thực hiện trong vụ án đảm bảo H pháp và đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa ngày hôm nay vắng mặt người bào chữa cho bị cáo ông Khuông T Điền, bị hại anh Lý Văn H, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Phạm Văn D. Xét thấy ông Đ1, anh H, anh D đều có đơn xin xét xử vắng mặt.

Anh H, anh D đã được cơ quan điều tra lấy lời khai, ông Đ1 đã gửi bản luận cứ bào chữa, tại phiên tòa bị cáo nhất trí xét xử vắng mặt người bào chữa và đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục phiên tòa. Căn cứ Điều 291, Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử tiếp tục phiên tòa.

[2]. Căn cứ lời khai của bị cáo tại phiên tòa, lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra; kết luận giám định; Biên bản khám nghiệm hiện trường; Kết luận định giá tài sản, lời khai của bị hại, lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, vật chứng thu giữ và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định: Khoảng 14 giờ 00 phút ngày 24/10/2022, lợi dụng gia đình anh Lý Văn H, trú tại xóm K, xã P, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên sơ hở trong việc quản lý tài sản. Đỗ Ngọc T đã thực hiện hành vi trộm cắp của anh H 01 điện thoại Samsung Note 20 ultra trị giá 10.500.000 đồng; trộm cắp của bà L 01 điện thoại Samsung Galaxy J3 màu vàng trị giá 600.000 đồng. Tổng giá trị tài sản là 11.100.000 đồng. Hiện số tài sản trên đã thu hồi và trả lại cho các bị hại quản lý và sử dụng.

Với hành vi nêu trên, bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên truy tố bị cáo Đỗ Ngọc T về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

Nội dung điều luật quy định như sau:

"*1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000đồng ...thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.*

[3]. Xét hành vi phạm tội của bị cáo đã thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Bị cáo có đầy đủ năng lực hành vi và năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý. Vì vậy cần phải được xử lý bằng pháp luật hình sự.

[4]. Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, Hội đồng xét xử thấy:

Bị cáo là người có nhân thân xấu, năm 2013 bị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở chữa bệnh với thời hạn 12 tháng, năm 2018 bị Tòa án nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên xử phạt 09 tháng tù về tội "*Trộm cắp tài sản*". Sau khi chấp hành án bị cáo không lấy đó làm bài học kinh nghiệm cho bản thân mà tiếp tục phạm tội. Điều đó thể hiện ý thức coi thường pháp luật của bị cáo. Do vậy, cần có mức án nghiêm khắc đối với bị cáo để cải tạo, giáo dục bị cáo đồng thời răn đe, phòng chống tội phạm chung.

Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, có thái độ ăn năn hối cải, tài sản bị cáo trộm cắp đã được thu hồi và trả lại cho người bị hại, người bị hại nhận lại tài sản xác định tài sản không bị hư hỏng gì, bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự là "Phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại hoặc gây

thiệt hại không lớn" và "người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải". Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự. Gia đình bị cáo thuộc diện hộ cận nghèo, bản thân bị cáo không có tài sản gì nên miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, người bào chữa tại phiên tòa là có căn cứ chấp nhận.

[5]. Trách nhiệm dân sự:

Bị hại anh H, bà L đã nhận lại tài sản không có yêu cầu gì, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Phạm Văn D không yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. Bị cáo thuộc diện hộ cận nghèo nên được miễn án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[7]. Liên quan đến vụ án còn có anh Phạm Văn D có hành vi giao dịch mua của T 01 điện thoại Samsung Galaxy J3, anh Đỗ Văn B (anh trai T) là chủ sở hữu chiếc xe mô tô BKS: 20F5-8706, T sử dụng để đi bán chiếc điện thoại trên. Tuy nhiên, khi lấy xe để sử dụng T không nói cho anh B biết, anh Dũng cũng không biết chiếc điện thoại là tài sản do T phạm tội mà có nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đại Từ không xem xét xử lý đối với anh Dũng và anh B là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 326 Bộ luật tố tụng hình sự;

Tuyên bố: Bị cáo Đỗ Ngọc T phạm tội "Trộm cắp tài sản".

1. Về hình phạt:

- Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Đỗ Ngọc T 15 (mười lăm) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 28/10/2022.

- Áp dụng Điều 329 Bộ luật tố tụng hình sự, quyết định tạm giam bị cáo 45 (bốn mươi lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án để đảm bảo thi hành án.

Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

2. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Dũng không có yêu cầu gì nên không xem xét.

3. Án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016: Bị cáo được miễn án phí Hình sự sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước.

Bị cáo, bị hại (bà L), người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan (anh B) có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị hại (anh H), người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan (anh D)

vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh TN; Sở tư pháp;
- VKSND tỉnh TN; VKSND H. Đại Từ;
- Công an H. Đại Từ;
- Chi cục THADS H. Đại Từ;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Nguyễn Thúy Quỳnh